

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

HÀ NỘI, THÁNG 7 NĂM 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		314,646,989,304	333,695,934,817
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16,701,802,904	33,608,350,696
1 Tiền	111	V.1.	16,701,802,904	33,608,350,696
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	16,200	16,200
1 Chứng khoán kinh doanh	121		60,428	60,428
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(44,228)	(44,228)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134,039,628,178	159,181,801,432
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		109,882,526,676	131,438,763,826
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10,313,583,117	10,606,718,859
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	16,402,286,898	19,695,087,260
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2,558,768,513)	(2,558,768,513)
IV Hàng tồn kho	140		161,099,123,141	140,246,794,646
1 Hàng tồn kho	141	V.4	161,099,123,141	140,246,794,646
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2,806,418,880	658,971,843
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		55,279,227	118,252,270
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,733,571,695	540,719,573
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		17,567,958	
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		157,910,430,864	155,328,080,044
I Các khoản phải thu dài hạn	210		36,965,351,526	35,206,234,600
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.5	36,965,351,526	35,206,234,600
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
II Tài sản cố định	220		43,593,681,738	43,110,855,022
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	39,885,650,951	39,101,900,234
- Nguyên giá	222		63,178,662,091	60,838,053,894
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23,293,011,140)	(21,736,153,660)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.7	509,410,792	811,023,457
- Nguyên giá	225		1,528,205,236	2,105,570,691
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,018,794,444)	(1,294,547,234)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3,198,619,995	3,197,931,331
- Nguyên giá	228		3,298,111,989	3,284,111,989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99,491,994)	(86,180,658)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		1,291,892,369	39,000,562
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1,291,892,369	39,000,562
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		74,299,216,989	76,157,216,989
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		50,387,921,686	50,387,921,686
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	24,341,647,501	26,199,647,501
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(430,352,198)	(430,352,198)
VI Tài sản dài hạn khác	260		1,760,288,242	814,772,871
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1,648,026,880	652,511,508
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		112,261,362	106,816,744
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	55,444,619
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		472,557,420,168	489,024,014,861



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		356,439,786,851	376,107,584,156
I Nợ ngắn hạn	310		208,624,581,847	219,309,250,566
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311		77,413,661,011	72,769,396,313
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		36,392,019,792	20,300,080,940
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		10,677,757,159	12,402,327,248
4 Phải trả người lao động	314		11,128,757,382	18,642,150,884
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	411,099,214	3,568,691,512
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	54,253,845,525	63,775,301,222
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	16,830,418,658	25,558,265,447
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,517,023,106	2,293,037,000
II Nợ dài hạn	330		147,815,205,004	156,798,333,590
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	17,981,553,481	18,252,704,010
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.15	89,673,188,977	91,282,033,655
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	39,103,683,381	46,206,816,760
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1,056,779,165	1,056,779,165
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		116,117,633,317	112,916,430,705
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18	116,117,633,317	112,916,430,705
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	90,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		725,125,800	725,125,800
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		468,003,540	477,988,514
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		146,406,866	149,684,483
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5,809,464,717	12,118,593,209
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8,968,632,395	9,445,038,699
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		472,557,420,168	489,024,014,861

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Nguyễn Thị Mai

Kế toán trưởng

Trần Trọng Đại



Đinh Thị Minh Hằng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	59,491,088,882	39,995,023,228	108,300,883,872	92,832,213,520
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.20	59,491,088,882	39,995,023,228	108,300,883,872	92,832,213,520
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.21	53,917,798,027	40,734,021,412	96,654,557,669	91,118,520,642
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5,573,290,855	(738,998,184)	11,646,326,203	1,713,692,878
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	238,185,910	31,307,729	301,635,115	16,469,532,376
7 Chi phí tài chính	22	VI.23	1,640,140,857	(8,692,373,554)	3,087,454,765	4,382,767,205
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,640,140,857	1,652,556,109	3,087,190,871	3,878,935,607
8 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	24		78,939,896	(675,631,325)		(675,631,325)
9 Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3,536,506,403	3,750,085,187	6,502,825,334	6,548,079,003
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		713,769,401	3,558,966,587	2,357,681,219	6,576,747,721
12 Thu nhập khác	31		45,545,454	30,000,004	45,588,826	30,000,178
13 Chi phí khác	32		13,800,405	(23,035,501)	415,485,957	826,106,019
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		31,745,049	53,035,505	(369,897,131)	(796,105,841)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		745,514,450	3,612,002,092	1,987,784,088	5,780,641,880

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu số B 02a - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		610,205,165	978,252,123	902,767,552	1,753,530,374
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	365,074,712	-	365,074,712
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		135,309,285	2,268,675,257	1,085,016,536	3,662,036,794
19 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		427,924,636	2,454,126,746	1,275,949,486	4,143,228,612
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(292,615,351)	(185,451,488)	(190,932,950)	(481,191,818)
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	42.79	480	127.59	821
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Nguyễn Thị Mai

Kế toán trưởng

Trần Trọng Đại



Phó Tổng giám đốc

CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THÀNH NAM

Đinh Thị Minh Hằng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu số B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		1,987,784,088	5,780,641,880
2. Điều chỉnh cho các khoản			(2,446,204,963)	(10,070,593,362)
- Khấu hao tài sản cố định	2		1,722,830,698	1,877,186,306
- Các khoản dự phòng	3		0	642,817,101
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(7,256,226,532)	(16,469,532,376)
- Chi phí lãi vay	6		3,087,190,871	3,878,935,607
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		(458,420,875)	(4,289,951,482)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		23,438,500,947	17,271,415,299
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20,852,328,495)	7,839,498,160
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuê thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2,001,650,894	(22,519,186,518)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(932,542,329)	597,015,002
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,087,190,871)	(11,442,997,727)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(86,809,991)	(1,063,292,387)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50,000,001	164,188,797
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3,350,532,725)	(625,100,667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3,277,673,445)	(14,068,411,523)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,591,148,363)	(1,303,487,817)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			30,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(812,615,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1,858,000,000	6,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			16,469,532,376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(733,148,363)	20,383,429,559
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		24,086,079,836	34,319,246,982
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(36,636,852,771)	(69,940,895,008)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(344,953,049)	(187,115,856)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(97,053,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12,895,725,984)	(35,905,816,882)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(16,906,547,792)	(29,590,798,846)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		33,608,350,696	44,350,922,561
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		16,701,802,904	14,760,123,715

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Người lập

Nguyễn Thị Mai

Kế toán trưởng

Trần Trọng Đại

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Phó Tổng giám đốc



Đinh Thị Minh Hằng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam được thành lập ngày 01/06/1993 theo Quyết định số 2162/QĐ-UB của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, sau đó được chuyển đổi thành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003621 ngày 04/02/2004 (đăng ký lần đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 14 ngày 02/10/2014.

Vốn điều lệ của Công ty là: **90.000.000.000 đồng** (Chín mươi tỷ đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và cho thuê thiết bị.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng;
- Lắp đặt điện nước, điện lạnh, trang trí ngoại nội thất công trình;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Sản xuất và buôn bán: Vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị xây dựng, tấm trần, vật liệu chống thấm, đồ gỗ gia dụng, hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ đấu giá bất động sản; dịch vụ định giá bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch;
- Khai thác gỗ và lâm sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công, kim loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và tuyến cố định;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng;



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

4. Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất

Tổng số các Công ty con: 05 Công ty

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 05 Công ty

Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty

Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty CP Xây dựng và Kỹ thuật Hạ tầng Thành Nam | - Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 56,01%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 56,01% |
| 2. Công ty CP Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thành Nam | - Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 53,3%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 53,3% |
| 3. Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô | - Địa chỉ: Tầng 4, Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51% |
| 4. Công ty CP Truyền thông BRIQ | - Địa chỉ: Tầng 5, Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 92%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 92% |
| 5. Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Nam Thanh | - Địa chỉ: Phòng 501, Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 53,6%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 53,6% |

Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

- | | |
|---|---|
| 1. Công ty TNHH Kính Thành Nam | - Địa chỉ: Số 2, Đường TS17, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
- Tỷ lệ phần sở hữu: 25,9%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25,9% |
| 2. Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam | - Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
- Tỷ lệ phần sở hữu: 26,1%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 26,1% |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

- | | |
|---|---|
| 3. Công ty Cổ phần ĐT PT Công nghệ Thành Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội - Tỷ lệ phần sở hữu: 36.4% - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 36.4% |
| 4. Công ty TNHH BMS Thành Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội - Tỷ lệ phần sở hữu: 25.1% - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25.1% |
| 5. Công ty CP Kiến trúc cảnh quan COTANA GREEN | <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội - Tỷ lệ phần sở hữu: 20,7% - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20.7% |
| 6. Công ty CP Coma Land Đầu tư và Phát triển Bất động sản | <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội - Tỷ lệ phần sở hữu: 31,2% - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 31,2% |
| 7. Công ty CP Đầu tư và TM Cotaland | <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Thanh Hoá - Tỷ lệ phần sở hữu: 20,4%% - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,4% |

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, các Công ty con và các Công ty liên kết.

Các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập bằng cách cộng từng chỉ tiêu thuộc Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con sau đó thực hiện điều chỉnh cho các nội dung sau:

- Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong Công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được loại trừ toàn bộ;
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu gộp với vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Giá trị các khoản mục phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ hoàn toàn;
- Các chỉ tiêu doanh thu, chi phí phát sinh từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa Công ty mẹ và Công ty con, cổ tức, lợi nhuận đã phân chia và đã ghi nhận được loại trừ toàn bộ;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND")

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo quy định hiện hành và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho** : Phương pháp kê khai thường xuyên.
- **Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:**

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ từng công trình} = \frac{\text{Tổng chi phí phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}$$

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	6-7
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất không có thời hạn và phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán trong thời gian là 3 năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời gian sử dụng nên không tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định..

3.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính và khấu hao

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê. Cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Máy móc, thiết bị	4-6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	4-6

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm cổ phiếu có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết, cho vay vốn có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe..) và các loại lệ phí mua và trả một lần;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cho thuê thiết bị..., Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, thu cổ tức, hoạt động mua, bán chứng khoán...

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê thiết bị được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán được ghi nhận theo thông báo từ công ty chứng khoán, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các hoạt động xây dựng và cho thuê thiết bị.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

1. Tiền	30/06/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
Tiền mặt	715,726,477		559,560,626	
Tiền gửi ngân hàng	15,986,076,427		33,048,790,070	
Cộng	16,701,802,904		33,608,350,696	
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
2.1 Chứng khoán kinh doanh	1	60,428	1	60,428
- GTA	1	60,428	1	60,428

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

- PVS

2.3 Dự phòng đầu tư ngắn hạn	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1	(44,228)	1	(44,228)
- GTA	1	(44,228)	1	(44,228)
- PVS				
Cộng các khoản đầu tư		16,200		16,200
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Ông Nguyễn Thanh Dương			1,000,000,000	600,000,000
Ông Nguyễn Văn Thông			2,291,731,424	3,491,731,424
Ông Nguyễn Quang Thịnh			2,111,011,823	2,111,011,823
Đặng Hữu Kỳ đội 2			1,065,124,833	2,240,714,239
Công ty TNHH MTV thực phẩm Hà Nội			1,000,000,000	1,000,000,000
Đối tượng khác			8,934,418,818	10,251,629,774
Cộng			16,402,286,898	19,695,087,260
4. Hàng tồn kho			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang			161,099,123,141	140,105,610,658
Nguyên liệu, vật liệu				25,818,145
Công cụ, dụng cụ				115,365,843
Cộng			161,099,123,141	140,246,794,646
(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất kinh doanh của các công trình: Công trình CT 17 Việt Hưng Green House; Công trình 671 Hoàng Hoa Thám; Trụ sở Công ty HUD kết hợp văn phòng cho thuê HUD TOWER; DA đường Xuân Mai - Hoà Bình, ...				
5. Phải thu dài hạn khác			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera			35,110,654,600	35,110,654,600
Các khoản phải thu dài hạn khác			1,854,696,926	95,580,000
			36,965,351,526	35,206,234,600

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình							Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2015	37,953,504,331	14,726,096,650	7,418,897,840	739,555,073	-	60,838,053,894	
Mua trong năm	-	2,354,501,090	579,365,455	-	-	2,933,866,545	
Thanh lý, nhượng bán	-	(509,523,803)	-	(83,734,545)	-	(593,258,348)	
Số dư ngày 30/06/2015	37,953,504,331	16,571,073,937	7,998,263,295	655,820,528	-	63,178,662,091	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2015	4,668,972,946	12,536,427,220	3,976,662,048	554,091,446	-	21,736,153,660	
Khấu hao trong năm	523,191,458	831,092,938	639,130,975	156,700,457	-	2,150,115,828	
Thanh lý, nhượng bán	-	(509,523,803)	-	(83,734,545)	-	(593,258,348)	
Số dư ngày 30/06/2015	5,192,164,404	12,857,996,355	4,615,793,023	627,057,358	-	23,293,011,140	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2015	33,284,531,385	2,189,669,430	3,442,235,792	185,463,627	-	39,101,900,234	
Tại ngày 30/06/2015	32,761,339,927	3,713,077,582	3,382,470,272	28,763,170	-	39,885,650,951	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

7 Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2015	1,528,205,236	577,365,455	2,105,570,691
Thuê tài chính trong năm			-
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(577,365,455)	(577,365,455)
Số dư ngày 30/06/2015	1,528,205,236	-	1,528,205,236
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2015	909,636,930	384,910,304	1,294,547,234
Khấu hao trong năm	109,157,514		109,157,514
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(384,910,304)	(384,910,304)
Số dư ngày 30/06/2015	1,018,794,444	-	1,018,794,444
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	618,568,306	192,455,151	811,023,457
Tại ngày 30/06/2015	509,410,792	-	509,410,792

8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2015	3,153,499,999	130,611,990	3,284,111,989
Mua trong năm	-	14,000,000	14,000,000
Số dư ngày 30/06/2015	3,153,499,999	144,611,990	3,298,111,989
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2015		86,180,658	86,180,658
Khấu hao trong năm		13,311,336	13,311,336
Số dư ngày 31/03/2015		99,491,994	99,491,994
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	3,153,499,999	44,431,332	3,197,931,331
Tại ngày 30/06/2015	3,153,499,999	45,119,996	3,198,619,995

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

30/06/2015 01/01/2015

VND VND

Thi công tầng tum chống nóng toà nhà Cotana Group
Cộng

1,291,892,369 39,000,562

1,291,892,369 39,000,562

10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

30/06/2015

01/01/2015

Số lượng
cổ phần

Giá trị (VND)

Số lượng
cổ phần

Giá trị (VND)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

Trái phiếu Chính phủ		500,000		500,000
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	5,936	59,360,200	5,936.00	59,360,200
Công ty CP Đầu tư và XNK Thành Nam	55,000	550,000,000	55,000.00	550,000,000
Công ty cổ phần ĐT PT Bất động sản Hudland		3,202,000,000	1,012,000	5,060,000,000
Công ty CP ĐT&PT Bất động sản Thành Nam	163,773	1,637,727,613	163,773.00	1,637,727,613
Công ty cổ phân xây dựng dân dụng và công nghiệp Thành Nam	53,402	534,017,688	53,402.00	534,017,688
Công ty cổ phần Hudland thương mại và dịch vụ	50,000	500,000,000	50,000.00	500,000,000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Việt Hưng		14,000,000,000		14,000,000,000
Công ty CP Kinh doanh bất động sản Viglacera		3,858,042,000		3,858,042,000
Cộng	328,111	24,341,647,501	1,340,111	26,199,647,501
11 Chi phí trả trước dài hạn			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ			1,648,026,880	598,192,081
Chi phí sửa chữa lớn				54,319,427
Cộng			1,648,026,880	652,511,508
12 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>			<i>16,730,418,658</i>	<i>25,499,604,449</i>
- Vay ngân hàng			10,588,553,980	12,688,666,970
- Vay cá nhân			6,141,864,678	12,810,937,479
<i>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>			<i>100,000,000</i>	<i>58,660,998</i>
- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP NT Việt Nam			100,000,000	58,660,998
Cộng			16,830,418,658	25,558,265,447
13 Chi phí phải trả ngắn hạn			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Chi phí lãi vay			33,333,326	3,428,715,661
Chi phí kiểm toán			61,876,515	139,975,851
Chi phí khác			315,889,373	
Cộng			411,099,214	3,568,691,512

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

14 Phải trả ngắn hạn khác	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	95,173,734	124,191,450
Bảo hiểm xã hội	419,787,706	714,414,608
Bảo hiểm y tế	82,509,274	71,977,330
Bảo hiểm thất nghiệp	31,882,699	182,934,831
Các khoản phải trả, phải nộp khác	53,624,492,112	62,681,783,003
<i>Xí nghiệp 1</i>	2,471,988,852	2,471,988,852
<i>Phạm Cao Sơn - Xí nghiệp 2</i>	13,213,239,730	17,218,543,277
<i>Nguyễn Văn Thắng - Xí Nghiệp Xây dựng số 2</i>	283,496,306	516,523,795
<i>Đầu Minh Luân - Xí Nghiệp 6</i>	968,451,724	968,451,724
<i>Ngô Huy Hùng - Xí nghiệp 7</i>	3,454,412,746	4,226,924,802
<i>Đoàn Văn Tuấn - Xí Nghiệp Xây dựng số 8</i>	2,922,404,733	3,244,953,033
<i>Quan Vi Dân - Xí Nghiệp Xây dựng số 9</i>	891,964,076	891,964,076
<i>Bùi Đình Toàn - Xí nghiệp 10</i>	14,540,467,038	14,736,371,524
<i>Trần Văn Quyền - Xí nghiệp Mộc và Nội thất Thành Nam</i>	188,418,750	2,026,335,777
<i>Nguyễn Văn Dân</i>	1,404,241,400	1,404,241,400
<i>Đối tượng khác</i>	13,285,406,757	14,975,484,743
Cộng	54,253,845,525	63,775,301,222
15 Phải trả dài hạn khác	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thành Nam	4,500,000,000	4,500,000,000
Đào Tuyết Trinh	11,750,000,000	12,500,000,000
Khách hàng của Sàn Bất động sản Thành Nam	38,108,242,423	38,845,312,485
Phạm Mạnh Long	17,203,000,000	17,203,000,000
Lê Thị Vân Anh	3,989,000,000	3,989,000,000
Nguyễn Việt Anh	8,500,000,000	8,500,000,000
Đặng Thu Vịnh	94,721,170	94,721,170
Đào Ngọc Thanh	4,690,116,484	5,150,000,000
Nguyễn Nam Cường	500,000,000	500,000,000
Phải trả dài hạn khác	338,108,900	
Cộng	89,673,188,977	91,282,033,655
16 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Vay dài hạn	39,103,683,381	46,206,816,760
<i>Văn phòng Công ty</i>	37,103,683,381	
Vay ngân hàng	1,480,000,000	
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long</i>	1,480,000,000	1,666,000,000
Vay đối tượng khác	35,623,683,381	42,540,816,760
- Đào Ngọc Thanh	13,337,495,852	10,972,211,303
- Đặng Thu Vịnh	9,000,000,000	9,000,000,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Mẫu B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

- Đinh Thị Minh Hằng	8,491,270,769	19,621,383,513		
- Đoàn Văn Tuấn	3,126,707,760	2,947,221,944		
- Trần Trọng Đại	1,668,209,000			
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Nam Thanh	2,000,000,000	2,000,000,000		
Vay cá nhân				
- Đào Thị Hoà	2,000,000,000	2,000,000,000		
Cộng	39,103,683,381	46,206,816,760		
17 Doanh thu chưa thực hiện	30/06/2015	01/01/2015		
	VND	VND		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất Động Sản Thành Nam	1,886,101,941	1,909,491,650		
Công ty CP xây dựng dân dụng và công nghiệp Thành Nam	2,722,534,040	2,786,564,650		
Công ty Phát triển số 1-TNHH 1 thành viên	5,237,244,893	5,295,918,363		
Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Thành Nam	4,422,409,394	4,473,632,151		
Ông Đỗ Văn Bình	3,630,696,905	3,672,429,053		
Các đối tượng khác	82,566,308	114,668,143		
Cộng	17,981,553,481	18,252,704,010		
18 Vốn chủ sở hữu				
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		Đơn vị tính: VND		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	50,000,000,000	30,225,000,000	7,617,886,238	87,842,886,238
Tăng vốn trong năm trước	40,000,000,000			40,000,000,000
Lãi trong năm trước			10,487,766,658	10,487,766,658
Tăng khác		125,800		
Trích lập các quỹ			(548,338,313)	(548,338,313)
Chia cổ tức			(5,000,000,000)	(5,000,000,000)
Giảm khác		(29,500,000,000)	(438,721,374)	(438,721,374)
Số dư tại ngày 31/12/2014	90,000,000,000	725,125,800	12,118,593,209	102,843,719,009
Tăng vốn trong năm nay	10,000,000,000		-	10,000,000,000
Lãi trong năm nay			1,275,949,486	1,275,949,486
Tăng khác			514,922,021	514,922,021
Chia cổ tức			(8,100,000,000)	(8,100,000,000)
Số dư tại ngày 30/06/2015	100,000,000,000	725,125,800	5,809,464,716	106,534,590,516
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2015	01/01/2015		
	VND	VND		
Vốn góp của các cổ đông sáng lập	32,457,050,000	31,542,410,000		
Vốn góp của các cổ đông khác	67,542,950,000	58,457,590,000		
Cộng	100,000,000,000	90,000,000,000		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

e) Các quỹ của công ty	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2015
Quỹ đầu tư phát triển	477,988,514		9,984,974	468,003,540
Quỹ dự phòng tài chính	149,684,483		3,277,617	146,406,866
Tổng cộng	627,672,997	0	13,262,591	614,410,406

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VIII. Những thông tin khác

Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Nguyễn Thị mai

Kế toán trưởng

Trần Trọng Đại



Đinh Thị Minh Hằng